

Số: 70/2026/QĐST-DS

VL, ngày 29 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C ; Địa chỉ trụ sở chính: Số A, T, Phường C, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP C1.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh B1 (Theo Văn bản uỷ quyền số: 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP C1).

Người đại diện theo uỷ quyền khởi kiện: Ông Trần Anh Tuấn L; Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh B1.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng:

+ Ông Nguyễn Văn T1 - Chức vụ: Trưởng phòng dịch Mỏ Cày Bắc Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh B1.

+ Bà Trần Thị Hồng T2 - Chức vụ: Nhân viên quản lý nợ CVD, Phòng Tổ chức tổng hợp - Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh B1.

+ Bà Lê Thị Kim N - Chức vụ: Nhân viên Tổng hợp kiêm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh B1.

+ Ông Nguyễn Tấn L1 - Chức vụ: Cán bộ Quan hệ khách hàng bán lẻ P1 - Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh B1.

(Theo Văn bản ủy quyền lại số: 85/UQ-CNBT-TCTH ngày 10/02/2026 của Giám đốc N1 - Chi nhánh B1).

Địa chỉ người đại diện theo ủy quyền: Số B, Đại lộ Đ, phường A, tỉnh VL;
Số điện thoại: 02753829538 - 02753824961; Fax: 02753824961

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 01/01/1959; Số CCCD: 083159002480;
Địa chỉ: 2 ấp V, xã V, tỉnh VL.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh VL.

- Ông Lê Văn Bé T3, sinh năm 1984 và bà Lê Ngọc H1, sinh năm 1989;
Cùng địa chỉ: 3 ấp V, xã V, tỉnh VL.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T3, bà H1 là bà Nguyễn Thụy Hồng T4, sinh năm 1991; địa chỉ: G ấp K, xã T, tỉnh VL.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP C1 khoản vay theo:

* Hợp đồng cho vay hạn mức số 31942.063/2025/HĐCVHM/NHCT78037 ngày 30/7/2025 với số tiền vay nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/6/2026 là: 7.438.908.069 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng;
- Lãi trong hạn: 322.320.774 đồng;
- Lãi quá hạn: 116.587.295 đồng.

* Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 78037/TCCN/11112025/3030478031 ngày 11/11/2025 với số tiền vay nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/6/2026 là 544.487.809 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 499.576.993 đồng;
- Lãi trong hạn: 39.528.085 đồng;
- Lãi quá hạn:

* Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 78037/TTDQT/11112025/3030478031 ngày 11/11/2025 với số tiền vay nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/6/2026 Trong đó:

- + Nợ gốc: 48.420.000 đồng;
- + Lãi trong hạn: 6.219.026 đồng.
- + Lãi quá hạn: 1.280.034 đồng.

2.2. Bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả lãi, mức lãi suất được thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 31942.063/2025/HĐCVHM/NHCT78037 ngày 30/7/2025, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 78037/TCCN/11112025/3030478031 ngày 11/11/2025 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 78037/TTDQT/11112025/3030478031 ngày 11/11/2025 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh B1 với số tiền vay nợ gốc và lãi tạm tính từ ngày 20/6/2026 cho đến khi bà H thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

2.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thanh toán hết các khoản nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 31942.063/2025/HĐCVHM/NHCT78037 ngày 30/7/2025, Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 78037/TCCN/11112025/3030478031 ngày 11/11/2025 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 78037/TTDQT/11112025/3030478031 ngày 11/11/2025 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B1 thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 097/2025/HĐBĐ/NHCT78037 ngày 29/7/2025 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị H với Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh B1.

2.4. Hủy hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng đặt cọc ngày 24/10/2025 giữa bên đặt cọc là ông Lê Văn Bé T3 với bên nhận đặt cọc là bà Nguyễn Thị H.

Về hậu quả của việc hủy hợp đồng đặt cọc:

- Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Bé T3 và bà Lê Ngọc H1 số tiền nhận cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là

Ghi nhận ông Lê Văn Bé T3 và bà Nguyễn Ngọc H3 không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T5 phạt cọc.

- Buộc ông Lê Văn Bé T3 và bà Lê Ngọc H1 trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng P đất có diện tích 500m², thuộc một phần thửa đất số 467, tờ bản đồ số 18 xã V, tỉnh VL, phần đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường đân.

Phía Tây giáp thửa 467 còn lại.

Phía Nam giáp thửa 466 của ông Lê Văn Bé T3.

Phía Bắc giáp thửa 467 còn lại.

(Có họa đồ kèm theo).

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông Bé T3, bà H1.

Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Hoàn trả cho ông Lê Văn Bé T3, bà Lê Ngọc H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006573 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh VL.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C số tiền đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005071, 0005072, 0005073 ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh VL.

2.6. Về chi phí tố tụng: do Ngân hàng TMCP C1 nộp tạm ứng.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP C1 số tiền chi phí tố tụng là

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 6 - VL;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh VL;*
- *Phòng GDKT, TT&THA TAND tỉnh VL;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP, BP.*

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)